

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2018/DS-ST

Ngày 05/10/2018.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Phan Thanh H (có mặt)

2/ Ông Trần Duy H (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng H, số A, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đoàn Bình T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện BT, tỉnh TR.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Do có nhu cầu vay vốn nên ông Đoàn Bình T đã có đơn đề nghị vay vốn và ký kết với Ngân hàng TMCP A các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3272920 giải ngân ngày 21/4/2015, số tiền vay 99.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi xuất cho vay trong hạn 27%/năm, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP A đã tiến hành giải ngân số tiền 99.000.000 đồng qua tài khoản số 79902268 do ông T mở tại Ngân hàng TMCP A. Ông T đã thanh toán được 4 kỳ với tổng số tiền 12.492.254 đồng gồm 3.244.467 đồng tiền nợ gốc và 9.247.787 đồng tiền nợ lãi. Kể từ ngày 31/10/2015 số nợ còn lại được chuyển sang nợ quá hạn. Số tiền ông T còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3272920 giải ngân ngày 21/4/2015 tính đến ngày 05/10/2018 là 95.755.533 đồng tiền nợ gốc và 120.204.201 đồng tiền nợ lãi.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-982356 mở ngày 21/4/2015 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ ký ngày 14/4/2015) hạn mức vay 25.000.000 đồng, lãi xuất thông thường là 33%/năm, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ông T đã sử dụng thẻ để tiêu dùng số tiền 23.850.000 đồng và không thực hiện việc thanh toán số tiền này, bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 08/9/2015. Tạm tính đến ngày 05/10/2018 số tiền ông T còn nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-982356 mở ngày 21/4/2015 là 23.850.000 đồng tiền nợ gốc và 26.499.616 đồng tiền nợ lãi.

Đến nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Đoàn Bình T phải trả toàn bộ tiền nợ của 02 hợp đồng trên là: 119.605.533 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 152.973.624 đồng, tổng cộng là 272.579.157 đồng. Ngoài ra ông T phải chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng từ ngày 06/10/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Bản sao hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ, bảng sao kê tài khoản;

+ Bản photo CMND;

+ Bản photo Hộ khẩu của bị đơn.

+ Hồ sơ pháp lý ngân hàng

Các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Phiếu xác minh của Công an xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; Phiếu xác minh công an phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đoàn Bình T nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử đến lần thứ 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp như đã liệt kê nêu trên có cơ sở xác định Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A có cho ông Đoàn Bình vay theo 02 hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 3272920 giải ngân ngày 21/4/2015, số tiền vay 99.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi xuất cho vay trong hạn 27%/năm, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay tiêu dùng. Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản số 79902268 do ông T mở tại Ngân hàng TMCP A có căn cứ cho thấy Ngân hàng TMCP A đã tiến hành giải ngân số tiền 99.000.000 đồng cho ông T vào ngày 21/4/2015. Ông T đã thanh toán được 4 kỳ với tổng số tiền 12.492.254 đồng gồm 3.244.467 đồng tiền nợ gốc và 9.247.787 đồng tiền nợ lãi. Kể từ ngày 31/10/2015 số nợ còn lại được chuyển sang nợ quá hạn. Do đó có căn cứ để xác định số tiền ông T còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3272920 giải ngân ngày 21/4/2015 tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 95.755.533 đồng tiền nợ gốc và 120.204.201 đồng tiền nợ lãi.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-982356 mở ngày 21/4/2015 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ ký ngày 14/4/2015) hạn mức vay 25.000.000 đồng, lãi xuất thông thường là 33%/năm, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản thẻ số 325-P-982356, ông T đã sử dụng thẻ để tiêu dùng số tiền 23.850.000 đồng và không thực hiện việc thanh toán số tiền này nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 08/9/2015. Do đó có căn cứ để xác định số tiền ông T còn nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-982356 mở ngày 21/4/2015 là 23.850.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 26.499.616 đồng.

Tổng số tiền mà ông Đoàn Bình T phải trả cho Ngân hàng TMCP A theo hai hợp đồng trên là 119.605.533 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 152.973.624 đồng, tổng cộng là 272.579.157 đồng. Ngoài ra ông T phải chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng từ ngày 06/10/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Đoàn Bình T phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A.

Buộc ông Đoàn Bình T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng số 3272920 giải ngân ngày 21/4/2015 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-982356 mở ngày 21/4/2015 gồm: 119.605.533 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 152.973.624 đồng, tổng cộng là 272.579.157 (hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn một trăm năm mươi bảy) đồng.

Ông Đoàn Bình T còn phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 06/10/2018 theo mức lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng số 3272920 giải ngân ngày 21/4/2015 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-982356 mở ngày 21/4/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Bình T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.628.958 (mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn chín trăm năm mươi tám) đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần 5.753.049 (năm triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0038042 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát Nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát Nhân dân Q. Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu